

BỘ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số ~~5386~~ BTC-DNTN

Hà Nội, ngày 29 tháng 4 năm 2026

V/v hướng dẫn rà soát và đề xuất xử lý
VBQPPL bảo đảm phù hợp với chủ trương,
đường lối của Đảng về phát triển kinh tế tư nhân

Kính gửi:

- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm soát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ;
- Hội đồng nhân dân, ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố.

Thực hiện nhiệm vụ được giao của Ban Chỉ đạo tổng rà soát hệ thống văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL) tại Quyết định số 05/QĐ-BCĐ ngày 10/4/2026 về Kế hoạch triển khai tổng rà soát hệ thống VBQPPL (gọi tắt là Quyết định số 05/QĐ-BCĐ), trên cơ sở Hướng dẫn số 06/HD-BCĐ ngày 22/4/2026 của Ban Chỉ đạo tổng rà soát hệ thống VBQPPL (gọi tắt là Hướng dẫn số 06/HD-BCĐ), Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện rà soát và đề xuất xử lý VBQPPL bảo đảm phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng về phát triển kinh tế tư nhân (*Hướng dẫn gửi kèm theo Công văn này*).

Đối tượng, phạm vi rà soát, cách thức thực hiện, trách nhiệm rà soát, báo cáo kết quả rà soát, thời hạn gửi báo cáo kết quả rà soát và các nội dung khác, đề nghị thực hiện thống nhất theo Quyết định số 05/QĐ-BCĐ và Hướng dẫn số 06/HD-BCĐ.

Thông tin liên hệ: Cục Phát triển doanh nghiệp tư nhân và kinh tế tập thể, Bộ Tài chính (Điện thoại: 094.107.8723, Email: lethixuanquynh@mof.gov.vn hoặc Điện thoại: 094.598.3399; Email: leducanh@mof.gov.vn).

Trân trọng cảm ơn sự hợp tác của Quý Cơ quan. 

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Các Cục, Vụ, Viện thuộc Bộ (để thực hiện);
- Lưu: VT, DNTN (Q.03b) 

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**




Nguyễn Đức Tâm

Phụ lục
HƯỚNG DẪN RÀ SOÁT VÀ ĐỀ XUẤT XỬ LÝ VĂN BẢN QUY PHẠM
PHÁP LUẬT BẢO ĐẢM PHÙ HỢP VỚI CHỦ TRƯỞNG, ĐƯỜNG LỐI
CỦA ĐẢNG VỀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ TƯ NHÂN

(Kèm theo Công văn số ~~5386~~ **5386**/BTC-DNTN ngày **29** tháng **4** năm 2026)

I. Mục đích

Nhiệm vụ rà soát đánh giá sự phù hợp của VBQPPL với chủ trương, đường lối của Đảng về phát triển kinh tế tư nhân là một trong các tiêu chí thành phần thuộc Tiêu chí 1 trong bộ 06 tiêu chí cơ bản của nhiệm vụ tổng rà soát VBQPPL nhằm kịp thời đề xuất sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ, ban hành mới các VBQPPL cho phù hợp và/hoặc đề xuất sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện các chủ trương để bảo đảm sự thống nhất và phù hợp với yêu cầu thực tiễn phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới.

II. Các văn bản của Đảng liên quan đến chủ trương về phát triển kinh tế tư nhân làm căn cứ rà soát

Danh mục dưới đây được xây dựng trên cơ sở tổng hợp, hệ thống các văn kiện, nghị quyết, kết luận, chỉ thị có liên quan đến chủ trương phát triển kinh tế tư nhân, nhằm định hướng, gợi ý cho quá trình rà soát; **không giới hạn phạm vi áp dụng**:

1. Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng (Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng; Chương trình hành động của Ban chấp hành Trung ương Đảng thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng...).

2. Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân.

3. Kết luận số 18-KL/TW Hội nghị lần thứ 2 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIV về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, tài chính quốc gia và vay, trả nợ công, đầu tư công trung hạn 5 năm 2026 - 2030 gắn với thực hiện mục tiêu phân đầu tăng trưởng “2 con số”.

4. Nghị quyết số 10-NQ/TW ngày 03/6/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Khóa XII, Hội nghị lần thứ 5 về phát triển kinh tế tư nhân trở thành một động lực quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

5. Nghị quyết số 41-NQ/TW ngày 10/10/2023 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát huy vai trò của đội ngũ doanh nhân Việt Nam trong thời kỳ mới.

Trong quá trình thực hiện, đề nghị các cơ quan, bộ ngành, địa phương **chủ động cập nhật, bổ sung** các văn bản có liên quan khác theo yêu cầu thực tiễn và chỉ đạo của cấp có thẩm quyền ngoài các văn bản nêu trên như: Kết luận của Bộ

Chính trị về hoàn thiện cấu trúc hệ thống pháp luật Việt Nam; các nghị quyết, quy định, kết luận, quy chế của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, kết luận chỉ đạo của đồng chí Tổng Bí thư... về đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, tạo cơ sở pháp lý đồng bộ cho hoạt động của bộ máy nhà nước theo mô hình chính quyền 3 cấp có liên quan đến phát triển kinh tế tư nhân.

III. Các nội dung, định hướng cụ thể của Đảng về phát triển kinh tế tư nhân cần được nghiên cứu để thể chế hóa thành pháp luật, làm cơ sở để các cơ quan thực hiện việc rà soát, đối chiếu và đề xuất phương án xử lý VBQPPL

Để bảo đảm việc rà soát, đối chiếu và đề xuất phương án xử lý VBQPPL được thực hiện thống nhất, đồng bộ, bám sát chủ trương, đường lối của Đảng, các cơ quan, bộ ngành, địa phương cần tập trung nghiên cứu, quán triệt đầy đủ các yêu cầu, định hướng lớn của Đảng về phát triển kinh tế tư nhân, đặc biệt là các nội dung có tính chất chỉ đạo, định hướng chính sách cần được thể chế hóa trong hệ thống pháp luật.

Các nội dung nêu dưới đây được xác định trên cơ sở tổng hợp từ các văn kiện, nghị quyết, chương trình hành động và kết luận của Đảng, có ý nghĩa định hướng trực tiếp cho công tác xây dựng và hoàn thiện pháp luật về phát triển kinh tế tư nhân; đồng thời là căn cứ để các cơ quan, bộ, ngành, địa phương tổ chức rà soát, đối chiếu và đề xuất phương án xử lý VBQPPL. Các nội dung này **chỉ mang tính chất gợi ý, định hướng**; trong quá trình triển khai, đề nghị các cơ quan, đơn vị, địa phương chủ động cập nhật, bổ sung các nội dung liên quan khác theo yêu cầu thực tiễn và chỉ đạo của cấp có thẩm quyền:

1. Đổi mới tư duy, thống nhất cao về nhận thức và hành động, khơi dậy niềm tin, khát vọng dân tộc, tạo xung lực mới, khí thế mới để phát triển kinh tế tư nhân¹

- Nhà nước kiến tạo, phục vụ, hỗ trợ phát triển kinh tế tư nhân; xây dựng mối quan hệ giữa chính quyền với doanh nghiệp cởi mở, thân thiện, đồng hành, liêm chính; không can thiệp hành chính vào hoạt động sản xuất, kinh doanh trái với nguyên tắc thị trường;

- Đẩy mạnh truyền thông, bảo đảm khách quan, trung thực, đầy đủ, công vụ, lan tỏa những mô hình tốt; nghiêm cấm hành vi nhũn nhĩu, tiêu cực, đưa thông tin sai lệch, ảnh hưởng đến doanh nghiệp, doanh nhân.

2. Hoàn thiện, nâng cao chất lượng thể chế, chính sách, bảo đảm và bảo vệ hữu hiệu quyền sở hữu, quyền tài sản, quyền tự do kinh doanh, quyền cạnh tranh bình đẳng của kinh tế tư nhân và bảo đảm thực thi hợp đồng của kinh tế tư nhân

¹ Mục I phần III về nhiệm vụ, giải pháp tại Nghị quyết số 68-NQ/TW.

2.1. Hoàn thiện, nâng cao chất lượng thể chế, chính sách²

- Xoá bỏ các rào cản hành chính, cơ chế “xin - cho”, tư duy “không quản được thì cấm”. Quyền kinh doanh chỉ có thể bị hạn chế vì lý do: quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, đạo đức xã hội, môi trường, sức khỏe cộng đồng và phải được quy định trong luật.

- Xoá bỏ các rào cản tiếp cận thị trường, đảm bảo môi trường kinh doanh thông thoáng, minh bạch, rõ ràng, nhất quán, ổn định lâu dài, dễ tuân thủ, chi phí thấp. Minh bạch hoá, số hoá, thông minh hoá, tự động hoá, áp dụng triệt để trí tuệ nhân tạo và dữ liệu lớn trong thực hiện các quy trình, thủ tục hành chính.

- Trong năm 2025, hoàn thành việc rà soát, loại bỏ những điều kiện kinh doanh không cần thiết, quy định chồng chéo, không phù hợp, cản trở sự phát triển của doanh nghiệp tư nhân; thực hiện cắt giảm ít nhất 30% thời gian xử lý thủ tục hành chính, ít nhất 30% chi phí tuân thủ pháp luật, ít nhất 30% điều kiện kinh doanh và tiếp tục cắt giảm mạnh trong những năm tiếp theo.

- Cung cấp dịch vụ công cho doanh nghiệp không phụ thuộc vào địa giới hành chính.

- Chuyển nền hành chính công vụ, quản lý là chủ yếu sang phục vụ và kiến tạo phát triển. Chuyển mạnh từ “tiền kiểm” sang “hậu kiểm”³ gắn với tăng cường kiểm tra, giám sát. Chuyển việc quản lý điều kiện kinh doanh từ cấp phép, chứng nhận sang thực hiện công bố điều kiện kinh doanh và hậu kiểm, trừ một số ít lĩnh vực bắt buộc phải thực hiện thủ tục cấp phép theo quy định và thông lệ quốc tế.

- Sửa đổi Luật Phá sản, rút ngắn thời gian xử lý các thủ tục pháp lý, mở rộng phạm vi áp dụng chế tài phá sản rút gọn; đẩy mạnh áp dụng thủ tục tố tụng trên nền tảng điện tử, cải cách cơ chế xử lý tài sản.

- Thiết lập cơ chế đánh giá, phản hồi về các rào cản, vướng mắc trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Thực hiện cơ chế thị trường, không phân biệt đối xử giữa các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế trong huy động, phân bổ và sử dụng các nguồn lực vốn, đất đai, tài nguyên, tài sản, công nghệ, nhân lực, dữ liệu và các nguồn lực tài nguyên khác.

- Rà soát, hoàn thiện các chính sách thuế, phí, lệ phí theo hướng bảo đảm đối xử công bằng giữa các thành phần kinh tế, giảm thuế suất, mở rộng cơ sở tính thuế, nhất là thu thuế điện tử khởi tạo từ máy tính tiền.

² Mục 2.1 phần III về nhiệm vụ, giải pháp tại Nghị quyết số 68-NQ/TW.

³ Cũng được nêu tại điểm b mục 1 phần II về nhiệm vụ chủ yếu tại Chương trình hành động của BCHTW Đảng khóa XIV.

- Nghiêm cấm lạm dụng quyết định hành chính, hành vi bảo hộ cục bộ của ngành, địa phương.

- Xử lý nghiêm các hành vi làm hạn chế cạnh tranh, lạm dụng vị trí thống lĩnh, vị trí độc quyền và cạnh tranh không lành mạnh.

- Hoàn thiện khung pháp lý cho các mô hình kinh tế mới, kinh doanh dựa trên công nghệ và nền tảng số, đặc biệt là công nghệ tài chính, trí tuệ nhân tạo, tài sản ảo, tiền ảo, tài sản mã hoá, tiền mã hoá, thương mại điện tử... Có cơ chế thử nghiệm đối với những ngành, lĩnh vực mới trên cơ sở hậu kiểm, phù hợp với thông lệ quốc tế.⁴

- Hoàn thiện pháp luật, chính sách về dữ liệu, quản trị dữ liệu, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp kết nối, chia sẻ, khai thác dữ liệu, bảo đảm an ninh, an toàn.

- Tạo mọi thuận lợi trong giải quyết thủ tục hành chính; phân công, phân cấp, phân nhiệm rõ ràng giữa các cấp, ngành của từng cơ quan, đơn vị, xác định rõ trách nhiệm người đứng đầu trong giải quyết thủ tục hành chính.

- Có cơ chế miễn trừ trách nhiệm đối với trường hợp đã thực hiện đầy đủ các quy trình, quy định liên quan, không tư lợi trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, nhưng có thiệt hại do rủi ro khách quan.

- Có cơ chế, chính sách đặc biệt hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, bảo đảm theo nguyên tắc thị trường và tuân thủ các cam kết quốc tế; bãi bỏ lệ phí môn bài; miễn thuế thu nhập doanh nghiệp cho doanh nghiệp nhỏ và vừa trong 3 năm đầu thành lập; bố trí đủ nguồn lực từ ngân sách trung ương và ngân sách địa phương cho các chương trình, chính sách hỗ trợ doanh nghiệp, kết hợp huy động nguồn lực từ các quỹ đầu tư của các doanh nghiệp, hiệp hội doanh nghiệp, ngành hàng, viện nghiên cứu, trường đại học.

- Có chính sách ưu tiên cho doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo tham gia chương trình, kế hoạch, dự án mua sắm công phù hợp với thông lệ quốc tế.

- Có cơ chế hỗ trợ hiệu quả giải quyết tranh chấp quốc tế cho khu vực kinh tế tư nhân.

- Có cơ chế phù hợp chia sẻ hệ thống dữ liệu cho các cơ quan, tổ chức nghiên cứu, tư vấn, phản biện chính sách.

2.2. Bảo đảm và bảo vệ hữu hiệu quyền sở hữu, quyền tự do kinh doanh, quyền tài sản, quyền cạnh tranh bình đẳng và bảo đảm thực thi hợp đồng của kinh tế tư nhân⁵

⁴ Cũng được nêu tại điểm a mục 13 phần II Chương trình hành động của BCHTW Đảng thực hiện NQĐHĐBTQ lần thứ XIV của Đảng.

⁵ Mục 2.2 phần III về nhiệm vụ, giải pháp tại Nghị quyết số 68-NQ/TW.

- Tập trung hoàn thiện hệ thống pháp luật thực thi hợp đồng, rút ngắn thời gian giải quyết tranh chấp hợp đồng; có cơ chế đặc thù để xử lý các dự án, hợp đồng tồn đọng kéo dài nhiều năm, gây thất thoát, lãng phí nguồn lực, cản trở phát triển của doanh nghiệp tư nhân. Chấm dứt tình trạng cơ quan nhà nước chậm thanh toán theo nghĩa vụ hợp đồng đã ký.

- Tăng cường tính minh bạch, hiệu lực, hiệu quả của toà án kinh tế, trọng tài thương mại trong xử lý các tranh chấp thương mại quốc tế bảo đảm nhanh chóng, công bằng, khách quan, bình đẳng.

- Rà soát, hoàn thiện quy định pháp luật về bảo vệ quyền sở hữu tài sản, quyền sở hữu trí tuệ và tài sản vô hình.

- Có chính sách hỗ trợ định giá, bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ trong nước; hỗ trợ khuyến khích các doanh nghiệp tư nhân đăng ký quyền sở hữu trí tuệ ở nước ngoài và các tổ chức quốc tế.

- Có chế tài nghiêm khắc đối với hành vi vi phạm về sở hữu trí tuệ, nhất là vi phạm trên không gian thương mại điện tử.

- Bảo đảm thực hiện trực tuyến toàn trình thủ tục xác lập quyền sở hữu công nghiệp, cắt giảm tối đa thời gian thực hiện thủ tục yêu cầu cấp quyền sở hữu trí tuệ, bảo đảm phù hợp với thông lệ quốc tế.

- Chấm dứt tình trạng thanh tra, kiểm tra chồng chéo, trùng lặp; bảo đảm nguyên tắc chỉ thực hiện thanh tra, kiểm tra mỗi năm 1 lần (trừ trường hợp có bằng chứng vi phạm rõ ràng). Triển khai thanh tra, kiểm tra trực tuyến, từ xa dựa trên dữ liệu, giảm thanh tra, kiểm tra trực tiếp. Miễn kiểm tra thực tế đối với các doanh nghiệp tuân thủ tốt quy định pháp luật.

- Xây dựng hệ thống dữ liệu và công cụ trí tuệ nhân tạo cảnh báo sớm về các nguy cơ vi phạm pháp luật.

2.3. Tuân thủ nguyên tắc phân định rõ trách nhiệm hình sự với hành chính, dân sự; giữa pháp nhân và cá nhân trong xử lý vi phạm⁶

- Sửa đổi các quy định về pháp luật hình sự, dân sự, tố tụng hình sự, tố tụng dân sự để bảo đảm nguyên tắc khi xử lý các sai phạm, vụ việc về dân sự kinh tế, ưu tiên áp dụng các biện pháp về dân sự, kinh tế, hành chính trước, cho phép các doanh nghiệp, doanh nhân được chủ động khắc phục sai phạm, thiệt hại.

- Trường hợp thực tiễn áp dụng pháp luật có thể dẫn đến xử lý hình sự hoặc không xử lý hình sự thì kiên quyết không áp dụng xử lý hình sự. Trường hợp đến mức xử lý hình sự thì ưu tiên các biện pháp khắc phục hậu quả kinh tế trước và là căn cứ quan trọng để xem xét các biện pháp xử lý tiếp theo.

⁶ Mục 2.3 phần III về nhiệm vụ, giải pháp tại Nghị quyết số 68-NQ/TW.

- Bảo đảm việc niêm phong, kê biên tạm giữ, phong toả tài sản liên quan đến vụ việc, vụ án phải theo đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục, phạm vi; bảo đảm giá trị niêm phong, kê biên, tạm giữ, phong toả tương ứng với dự kiến hậu quả thiệt hại trong vụ án.

- Phân biệt rõ tài sản hình thành hợp pháp với tài sản có được từ hành vi vi phạm pháp luật, tài sản khác liên quan đến vụ án; giữa tài sản, quyền, nghĩa vụ của doanh nghiệp, của cá nhân những người quản lý trong doanh nghiệp. Cho phép sử dụng hợp lý các biện pháp cần thiết để bảo đảm giá trị tài sản liên quan đến vụ án, giảm thiểu tác động của điều tra đến hoạt động sản xuất - kinh doanh, sau khi có ý kiến thống nhất của các cơ quan tố tụng và không ảnh hưởng đến hoạt động điều tra.

3. Tạo thuận lợi cho kinh tế tư nhân tiếp cận các nguồn lực về đất đai, vốn, nhân lực chất lượng cao

3.1. Tăng cường cơ hội tiếp cận đất đai, mặt bằng sản xuất kinh doanh cho kinh tế tư nhân⁷

- Minh bạch hóa các thủ tục liên quan đến đất đai. Chậm nhất năm 2025, hoàn thành xây dựng Cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai.

- Có cơ chế, chính sách phù hợp kiểm soát biến động giá đất, đặc biệt là giá đất sản xuất kinh doanh, phi nông nghiệp.

- Cho phép các địa phương sử dụng ngân sách địa phương để hỗ trợ chủ đầu tư kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp, cụm công nghiệp, vườn ươm công nghệ, trên cơ sở yêu cầu, các chủ đầu tư dành một phần quỹ đất đã đầu tư cho các doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo thuê.

- Các địa phương căn cứ vào tình hình thực tế, xác định quỹ đất đối với từng khu công nghiệp, cụm công nghiệp đảm bảo bình quân tối thiểu 20 ha/khu, cụm công nghiệp hoặc 5% quỹ đất đã đầu tư kết cấu hạ tầng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo thuê; giảm tối thiểu 30% tiền thuê lại đất cho các đối tượng doanh nghiệp nói trên trong 05 năm đầu kể từ ngày ký hợp đồng thuê đất.

- Có chính sách hỗ trợ về hạ tầng mặt bằng sạch, điện, nước, giao thông, thông tin liên lạc, thủ tục hành chính cho các doanh nghiệp sử dụng công nghệ cao, doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp công nghệ hỗ trợ, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo.

- Có chính sách hỗ trợ cho doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp công nghệ hỗ trợ, doanh nghiệp đổi mới sáng tạo thuê nhà, đất là tài sản công chưa sử dụng hoặc không sử dụng tại địa phương.

⁷ Mục 3.1 phần III về nhiệm vụ, giải pháp tại Nghị quyết số 68-NQ/TW.

3.2. *Đẩy mạnh và đa dạng hoá nguồn vốn cho kinh tế tư nhân*⁸

- Hoàn thiện cơ chế, chính sách tín dụng cho kinh tế tư nhân. Có chính sách ưu tiên một phần nguồn tín dụng thương mại để dành cho doanh nghiệp tư nhân, nhất là doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo vay để đầu tư máy móc, thiết bị, công nghệ mới, chuyển đổi xanh, chuyển đổi số và tín dụng xuất khẩu, tín dụng theo chuỗi cung ứng.

- Mở rộng cho vay dựa trên tài sản bảo đảm và tín chấp, cho vay dựa trên dữ liệu, dòng tiền, chuỗi giá trị; xem xét các tài sản bảo đảm bao gồm cả động sản, tài sản vô hình, tài sản hình thành trong tương lai và hình thức cho vay tín chấp.

- Có cơ chế hỗ trợ lãi suất và khuyến khích các tổ chức tín dụng giảm lãi suất cho doanh nghiệp tư nhân vay để triển khai các dự án xanh, tuần hoàn và áp dụng khung tiêu chuẩn môi trường, xã hội, quản trị (ESG).

- Hoàn thiện mô hình các quỹ bảo lãnh tín dụng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa ở cả trung ương và địa phương.

- Chấp nhận rủi ro do điều kiện khách quan, bất khả kháng trong hoạt động bảo lãnh; thực hiện quản lý theo mục tiêu tổng thể; quy định mức trích quỹ dự phòng tài chính hợp lý, nói lỏng điều kiện cấp bảo lãnh so với điều kiện vay vốn ngân hàng; có cơ chế bổ sung nguồn lực, chính sách bảo hiểm hợp lý bảo đảm an toàn hệ thống. Nghiên cứu thành lập quỹ tái bảo lãnh và các mô hình bảo lãnh chéo, đồng bảo lãnh...

- Hoàn thiện khung pháp lý, cơ chế hoạt động của Quỹ Phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa theo hướng mở rộng đối tượng, đơn giản hoá, minh bạch hoá, số hoá điều kiện, quy trình, thủ tục tiếp nhận, thẩm định, cho vay và giải ngân vốn; đa dạng hoá nguồn vốn từ ngân sách nhà nước, đóng góp từ doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trong nước và quốc tế...

- Khẩn trương bổ sung chức năng, nhiệm vụ đầu tư vào các quỹ đầu tư địa phương và các quỹ đầu tư tư nhân để tăng nguồn cung vốn cho doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo; tài trợ vốn môi cho các dự án khởi nghiệp, cho vay khởi nghiệp; xây dựng vườn ươm và hỗ trợ khởi nghiệp.

- Khuyến khích mô hình đồng tài trợ của các quỹ trung ương, địa phương, tư nhân và các tổ chức tài chính, tín dụng nhằm chia sẻ rủi ro và tăng mức ưu đãi cho các khoản vay đối với các doanh nghiệp nhỏ và vừa.

- Rà soát, sửa đổi bổ sung các quy định về hoạt động của các tổ chức cho vay không nhận tiền gửi để đa dạng hoá nguồn cung tín dụng cho doanh

⁸ Mục 3.2 phần III về nhiệm vụ, giải pháp tại Nghị quyết số 68-NQ/TW.

ng nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp nhỏ và vừa.

- Sửa đổi khung pháp lý về hoạt động của công ty cho thuê tài chính theo hướng mở rộng danh mục tài sản cho thuê, trong đó có tài sản phi truyền thống như phần mềm, quyền khai thác, tài sản trí tuệ, dữ liệu.

- Ban hành khung pháp lý thử nghiệm có kiểm soát về cho vay ngang hàng, về sàn giao dịch gọi vốn cộng đồng để kết nối trực tiếp doanh nghiệp nhỏ và vừa với cá nhân, tổ chức tài trợ vốn.

- Rà soát, hoàn thiện chính sách thuế, tạo thuận lợi cho hoạt động đầu tư góp vốn của các quỹ đầu tư vào doanh nghiệp; tăng hạn mức đầu tư vào tài sản dài hạn hoặc tài trợ vốn trong cơ cấu vốn của doanh nghiệp; thiết lập cơ chế huy động vốn trung và dài hạn cho các quỹ đầu tư.

- Nghiên cứu cho phép các định chế đầu tư tài chính mở rộng khả năng huy động vốn từ các nguồn như quỹ bảo hiểm xã hội, quỹ hưu trí tự nguyện để phát triển thị trường vốn, đặc biệt là vốn trung và dài hạn cho doanh nghiệp tư nhân.

- Hoàn thiện quy định về trái phiếu doanh nghiệp để nâng cao chất lượng và mở rộng kênh huy động vốn ổn định, chi phí thấp cho kinh tế tư nhân. Nghiên cứu xây dựng khung pháp lý về chứng khoán hoá các khoản nợ.

- Kết nối, chia sẻ thông tin giữa hệ thống thuế, ngân hàng và cơ quan liên quan để thống nhất thông tin tình hình tài chính doanh nghiệp phục vụ đánh giá tín nhiệm, chấm điểm tín dụng.

3.3. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực cho kinh tế tư nhân⁹

- Phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục đại học, nghề nghiệp chất lượng cao, ngành nghề trọng điểm.

- Khuyến khích phát triển các chương trình liên kết đào tạo với nước ngoài, nhân rộng, chuyển giao các chương trình đào tạo tiên tiến phục vụ phát triển kinh tế tư nhân.

- Đổi mới phương thức đánh giá, công nhận tốt nghiệp có sự tham gia của doanh nghiệp đối với các chương trình chất lượng cao.

- Hỗ trợ, khuyến khích đào tạo theo đơn đặt hàng của doanh nghiệp, huy động doanh nghiệp tham gia nhiều hơn vào quá trình đào tạo, đánh giá chất lượng.

- Chi phí đào tạo và đào tạo lại nhân lực của doanh nghiệp được tính vào chi phí được trừ để xác định thu nhập chịu thuế khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp.

⁹ Mục 3.3 phần III về nhiệm vụ, giải pháp tại Nghị quyết số 68-NQ/TW.

- Tăng cường đào tạo kỹ năng sáng tạo, STEM, ngoại ngữ, kỹ năng số trong tất cả các bậc học.

- Khuyến khích các địa phương sử dụng các nguồn lực hợp pháp của mình để hỗ trợ chủ động các chương trình đào tạo phát triển nguồn nhân lực phù hợp định hướng phát triển kinh tế xã hội của địa phương.

- Xây dựng Chương trình đào tạo, bồi dưỡng 10.000 giám đốc điều hành.

4. Thúc đẩy khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, kinh doanh hiệu quả, bền vững trong kinh tế tư nhân¹⁰

- Ban hành khung pháp lý thử nghiệm có kiểm soát (sandbox) đối với công nghệ mới, sản phẩm, dịch vụ, mô hình kinh doanh mới¹¹.

- Tạo môi trường thuận lợi cho doanh nghiệp tư nhân tham gia nghiên cứu và ứng dụng trí tuệ nhân tạo, chuỗi khối, dữ liệu lớn, thương mại điện tử, công nghệ tài chính, y tế thông minh...

- Có chính sách hỗ trợ về thuế, phí: doanh nghiệp được tính vào chi phí được trừ khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 200% chi phí thực hiện R&D; được trích tối đa 20% thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp để lập quỹ phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

- Có chính sách hỗ trợ chi phí đầu tư mua sắm máy móc, đổi mới công nghệ, chi phí thực hiện chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, kinh doanh bền vững, tuần hoàn thông qua cơ chế khấu trừ thuế thu nhập doanh nghiệp hoặc tài trợ qua các quỹ.

- Doanh nghiệp, tổ chức tư nhân được sử dụng phòng thí nghiệm, phòng thử nghiệm, phòng hỗ trợ thiết kế và thiết bị nghiên cứu dùng chung, trung tâm thử nghiệm, đo lường, kiểm định, giám định của Nhà nước để phát triển sản phẩm với mức phí hợp lý.

- Miễn giảm thuế thu nhập doanh nghiệp cho doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo; miễn giảm thuế thu nhập cá nhân cho các chuyên gia, nhà khoa học làm việc tại các doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, R&D; miễn giảm thuế thu nhập doanh nghiệp, thu nhập cá nhân cho hoạt động chuyển nhượng cổ phần, vốn góp trong doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo.

- Phát triển các Trung tâm đổi mới sáng tạo phục vụ nghiên cứu, thử nghiệm, phát triển và chuyển giao công nghệ nhằm hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp.

5. Tăng cường kết nối giữa các doanh nghiệp tư nhân, doanh nghiệp

¹⁰ Mục 4 phần III về nhiệm vụ, giải pháp tại Nghị quyết số 68-NQ/TW.

¹¹ Cũng được nêu tại điểm a mục 13 phần II về nhiệm vụ chủ yếu tại Chương trình hành động của BCHTW Đảng khóa XIV.

tư nhân với doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp FDI¹²

- Xây dựng, hỗ trợ phát triển chuỗi liên kết doanh nghiệp theo cụm ngành, chuỗi giá trị, chuỗi cung ứng, nhất là chuỗi liên kết trong công nghiệp hỗ trợ, chế biến chế tạo, chế biến nông sản, thực phẩm, công nghệ thông tin, công nghiệp sáng tạo.

- Khuyến khích các doanh nghiệp lớn dẫn dắt các doanh nghiệp nhỏ. Xác định việc doanh nghiệp lớn chuyển giao công nghệ, hỗ trợ thử nghiệm sản phẩm, hỗ trợ kỹ thuật, kiến thức và đào tạo nguồn nhân lực, sử dụng sản phẩm, dịch vụ của doanh nghiệp nhỏ và vừa là một tiêu chí quan trọng để hưởng các chính sách ưu đãi của Nhà nước.

- Áp dụng tỷ lệ nội địa hóa phù hợp trong các ngành công nghiệp nền tảng, mũi nhọn; các dự án FDI lớn cần có kế hoạch sử dụng chuỗi cung ứng nội địa ngay từ đầu

- Hỗ trợ doanh nghiệp đạt chứng chỉ, chứng nhận đáp ứng tiêu chuẩn của thị trường xuất khẩu, tham gia chuỗi cung ứng.

- Nhà nước hỗ trợ các dịch vụ tư vấn, xúc tiến thương mại để kết nối các doanh nghiệp FDI với doanh nghiệp nội địa tại các khu công nghiệp, khu kinh tế trọng điểm, khu thương mại tự do.

- Hỗ trợ khởi nghiệp cho cán bộ quản lý, kỹ thuật đã làm việc tại các doanh nghiệp FDI.

6. Hình thành và phát triển nhanh các doanh nghiệp lớn và vừa, các tập đoàn kinh tế tư nhân tầm cỡ khu vực và toàn cầu¹³

- Ban hành cơ chế, chính sách giao, đặt hàng khu vực tư nhân tham gia vào các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học trọng điểm, dự án, công trình, nhiệm vụ quan trọng quốc gia, phát triển công nghiệp quốc phòng, an ninh, nhiệm vụ khẩn cấp, cấp bách.¹⁴

- Xây dựng chính sách hỗ trợ để hình thành một số tập đoàn kinh tế tư nhân mạnh, quy mô lớn, đầu đàn để dẫn dắt chuỗi giá trị trong nước và mở rộng, tham gia thị trường toàn cầu.¹⁵

- Có giải pháp thúc đẩy doanh nghiệp tư nhân đầu tư mở rộng và phát triển cung ứng dịch vụ y tế, giáo dục chất lượng cao, phát triển công nghiệp văn hoá, công nghiệp giải trí.

¹² Mục 5 phần III về nhiệm vụ, giải pháp tại Nghị quyết số 68-NQ/TW.

¹³ Mục 6 phần III về nhiệm vụ, giải pháp tại Nghị quyết số 68-NQ/TW.

¹⁴ Cũng được nêu tại điểm b mục 1 Phần II về Nhiệm vụ chủ yếu tại Chương trình hành động của BCHTW Đảng khóa XIV.

¹⁵ Điểm b mục 1 phần II về nhiệm vụ chủ yếu tại Chương trình hành động của BCHTW Đảng khóa XIV; mục 3 Phần III về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu tại Nghị quyết số 41-NQ/TW; điểm c tiểu mục 2.1 mục 2 Phần II Kết luận số 18-KL/TW.

- Đa dạng hóa hình thức hợp tác giữa Nhà nước và khu vực tư nhân: Lãnh đạo công quản trị tư, đầu tư công – quản lý tư, đầu tư tư – sử dụng công.

- Xây dựng Chương trình phát triển 1.000 doanh nghiệp tiêu biểu, tiên phong và Chương trình vươn ra thị trường quốc tế (Go Global).¹⁶

7. Hỗ trợ thực chất, hiệu quả doanh nghiệp nhỏ, siêu nhỏ và hộ kinh doanh¹⁷

- Hoàn thiện khung pháp lý về kinh doanh cá thể; thu hẹp khoảng cách về tổ chức quản trị và tài chính, kế toán để khuyến khích hộ kinh doanh chuyển đổi thành doanh nghiệp.

- Xóa bỏ hình thức thuế khoán đối với hộ kinh doanh từ 01/01/2026.

- Cung cấp miễn phí các nền tảng số, phần mềm kế toán dùng chung, dịch vụ tư vấn, pháp lý, đào tạo về quản trị, kế toán, thuế, nhân sự, pháp luật cho doanh nghiệp nhỏ, siêu nhỏ, hộ/cá nhân kinh doanh.

- Thúc đẩy khả năng tiếp cận, sử dụng các sản phẩm tài chính cho các doanh nghiệp nhỏ, siêu nhỏ, hộ kinh Doanh, ưu tiên chủ doanh nghiệp, hộ kinh doanh là thanh niên, phụ nữ, nhóm yếu thế, đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, biên giới, hải đảo và các mô hình kinh doanh bao trùm, tạo tác động xã hội.

8. Đề cao đạo đức kinh doanh, phát huy trách nhiệm xã hội, thúc đẩy mạnh mẽ tinh thần kinh doanh, tạo mọi điều kiện thuận lợi để doanh nhân tham gia quản trị đất nước¹⁸

- Xây dựng đội ngũ doanh nhân có đạo đức, văn hóa kinh doanh, trách nhiệm xã hội, gắn với bản sắc dân tộc, khát vọng xây dựng đất nước giàu mạnh, hùng cường, thịnh vượng.

- Huy động đội ngũ doanh nhân xuất sắc, có tâm, có tầm tham gia quản trị đất nước.

- Tôn vinh, biểu dương, khen thưởng các doanh nhân, doanh nghiệp. Đánh giá doanh nghiệp tư nhân theo chuẩn quốc tế dựa trên **04 tiêu chí cốt lõi** về: (1) Mức độ tuân thủ pháp luật; (2) Giải quyết công ăn việc làm; (3) Đóng góp vào NSNN và (4) Tham gia các hoạt động an sinh xã hội.

- Thiết lập mối quan hệ giữa các cấp uỷ đảng, chính quyền với doanh nghiệp tư nhân chặt chẽ, thực chất, chia sẻ, cởi mở, chân thành; phát huy vai trò góp ý, phản biện chính sách của doanh nghiệp, hiệp hội doanh nghiệp; nghiêm cấm việc thao túng, trục lợi chính sách, lợi dụng, làm tha hoá cán bộ, công chức.

¹⁶ Mục 6 phần III về nhiệm vụ, giải pháp tại Nghị quyết số 68-NQ/TW.

¹⁷ Mục 7 phần III về nhiệm vụ, giải pháp tại Nghị quyết số 68-NQ/TW.

¹⁸ Mục 8 phần III về nhiệm vụ, giải pháp tại Nghị quyết số 68-NQ/TW.

- Nâng cao vai trò, chức năng, nhiệm vụ, hiệu quả hoạt động của các hiệp hội, các tổ chức đại diện cho doanh nghiệp, doanh nhân.

- Xây dựng tổ chức Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh và phát triển Đảng trong khu vực doanh nghiệp tư nhân, doanh nhân.

IV. Đầu mối hướng dẫn, xử lý vướng mắc

1. Đầu mối hướng dẫn, xử lý vướng mắc về nội dung rà soát liên quan đến đường lối, chủ trương của Đảng về phát triển kinh tế tư nhân

(1) Đ/c Lê Thị Xuân Quỳnh - Phó trưởng phòng, Phòng Chính sách, Môi trường kinh doanh và hợp tác quốc tế, Cục Phát triển doanh nghiệp tư nhân và kinh tế tập thể, Bộ Tài chính; Điện thoại: 094.107.8723; Email: lethixuanquynh@mof.gov.vn;

(2) Đ/c Lê Đức Anh - Chuyên viên Cục Phát triển doanh nghiệp tư nhân và kinh tế tập thể, Bộ Tài chính; Điện thoại: 094.598.3399; Email: leducanh@mof.gov.vn.

2. Đầu mối, hướng dẫn xử lý vướng mắc về cách thức thực hiện rà soát và gửi báo cáo

a) Hỗ trợ kỹ thuật báo cáo trực tuyến: Cục Công nghệ thông tin, Bộ Tư pháp (Phòng Chuyên đổi số, số điện thoại: 024.62.739.716).

b) Hỗ trợ nội dung xây dựng Báo cáo và tổng hợp kết quả tổng rà soát: Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật, Bộ Tư pháp (Phòng Kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản khối Nội chính, số điện thoại: 024.62.739.658, thư điện tử: TongrasoatVB@moj.gov.vn).